

Trí tuệ nhân tạo, quyền lực và tính thiêng

ISSN: 2734-9195 09:48 05/09/2026

Vì vậy, câu hỏi cuối cùng không phải là liệu con người có thể tạo ra một AI mang quyền năng như thần linh hay không. Câu hỏi hệ trọng hơn là: con người có đủ trí tuệ và đạo đức để sống cùng quyền năng mà chính mình đang tạo dựng hay không?

Từ cảnh báo của Yuval Noah Harari đến hiện tượng tôn thờ AI.

Tóm tắt: Bài viết khảo sát mối quan hệ đang định hình giữa trí tuệ nhân tạo, quyền lực diễn ngôn và đời sống tôn giáo, khởi đi từ cuộc đối thoại giữa Yuval Noah Harari và Nikhil Kamath tại Davos năm 2026.

Trên cơ sở phân tích vai trò của tự sự, lòng tin và thuật toán, bài viết nhận diện sự dịch chuyển của thẩm quyền tâm linh khi AI tham gia giải thích kinh điển, cá nhân hóa lời khuyên và tạo sinh những cấu trúc mang dáng dấp tín ngưỡng.



(Ảnh: Internet)

Các trường hợp Deus in Machina, Way of the Future và Church of Molt cho thấy cả tiềm năng hỗ trợ học hỏi lẫn nguy cơ thần thánh hóa công nghệ. Từ góc nhìn

*Phật giáo, AI nên được đặt đúng vị trí của một trợ duyên: có thể hỗ trợ tri thức và hoằng truyền, nhưng không thay thế **giới-định-tuệ**, Tăng đoàn, thân giáo và kinh nghiệm chuyển hóa khổ đau.*

Thách thức căn bản vì thế không chỉ là làm cho máy móc thông minh hơn, mà là nuôi dưỡng chính kiến, trách nhiệm và lòng từ bi nơi con người sử dụng công nghệ.

Từ khóa: Trí tuệ nhân tạo, tôn giáo, Phật giáo, Yuval Noah Harari, chủ nghĩa siêu nhân học, đạo đức công nghệ.

Dẫn nhập

Bài viết khởi đi từ cuộc phỏng vấn dài 1 giờ 24 phút, được công bố đầu năm 2026 trong khuôn khổ loạt podcast People by WTF do Nikhil Kamath - nhà đồng sáng lập Zerodha thực hiện. Khách mời của chương trình là Sử gia Yuval Noah Harari.

Cuộc đối thoại được ghi hình tại Diễn đàn Kinh tế Thế giới ở Davos và đã thu hút hơn một triệu lượt xem cùng khoảng 18.700 lượt yêu thích.

Cuộc trò chuyện mở ra một trường suy tưởng rộng lớn, giàu tính triết luận và gắn bó mật thiết với những vấn đề cấp thiết của thời đại. Harari phân tích cách thức con người xây dựng khả năng hợp tác quy mô lớn dựa trên những câu chuyện và hệ thống ý niệm được cộng đồng cùng chia sẻ, chẳng hạn như tôn giáo, quốc gia và tiền tệ. Từ đó, ông lý giải vì sao sự thật thường thất thế trước những tự sự giàu sức lôi cuốn; vì sao lòng tin trong quan hệ địa chính trị ngày càng trở nên mong manh; đồng thời cảnh báo về sự trỗi dậy của trí tuệ nhân tạo như một nguồn thẩm quyền mới, có khả năng tác động sâu rộng, thậm chí cạnh tranh với ảnh hưởng của các thiết chế tôn giáo truyền thống.

Harari đặc biệt lưu ý đến hiểm họa phát sinh khi các thuật toán được thiết kế chủ yếu nhằm tối ưu hóa mức độ tương tác của người dùng. Trong môi trường ấy, sự thù ghét, nỗi sợ hãi và lòng tham có thể bị khai thác như những nguồn năng lượng giữ chân con người trên các nền tảng số.

Từ kinh nghiệm thực hành thiền định và sự tiếp xúc sâu sắc với tư tưởng Phật giáo, Yuval Noah Harari còn gợi mở một cách nhìn đáng suy ngẫm: khổ đau không bắt nguồn từ một mục đích huyền nhiệm hay một ý nghĩa tất định do vũ trụ sắp đặt, mà có căn nguyên từ vô minh sự không thấu hiểu đúng đắn về bản thân, thực tại và những vận hành của tâm thức.

I. Tự sự, quyền lực và tâm thức trong cuộc đối thoại với Harari

1. Câu chuyện, niềm tin và tôn giáo

Ở phần đầu cuộc trò chuyện, Yuval Noah Harari lý giải rằng sức sống của các tôn giáo phần lớn được tạo nên từ khả năng kiến lập những câu chuyện thiêng liêng, có sức quy tụ cộng đồng và trao truyền ý nghĩa cho đời sống con người. Theo ông, một trong những thông điệp tạo nên sức hấp dẫn sâu xa của Kitô giáo là niềm xác tín rằng: “Bạn được một Thiên Chúa toàn năng yêu thương”.

Nhận định này cho thấy tôn giáo không chỉ tồn tại như một hệ thống giáo lý hay nghi lễ, mà còn như một không gian tinh thần, nơi con người tìm thấy sự chở che, ý nghĩa sống và cảm thức thuộc về một cộng đồng lớn hơn chính mình.

Harari cũng chỉ ra một nghịch lý: câu chuyện có sức hấp dẫn mạnh mẽ chưa hẳn là câu chuyện phản ánh đầy đủ sự thật. Con người thường có khuynh hướng tìm kiếm và tiếp nhận những bằng chứng củng cố cho điều mình vốn đã mong muốn tin tưởng. Trong tâm lý học nhận thức, hiện tượng này thường được gọi là “thiên kiến xác nhận”.

Khuynh hướng ấy không chỉ hiện diện trong đời sống tôn giáo mà còn biểu hiện rõ rệt trong chính trị. Công chúng đôi khi dễ dàng thiện cảm cho những nhà lãnh đạo tạo được cảm giác gần gũi, biết khơi gợi sự đồng cảm hoặc công khai bày tỏ niềm tin vào Thượng đế, hơn là cho những người kiên định với một hệ giá trị nhất quán nhưng thiếu khả năng kiến tạo một câu chuyện giàu sức lay động.

Vấn đề được đặt ra ở đây không phải là phủ nhận giá trị của tôn giáo hay niềm tin, mà là nhận diện ranh giới mong manh giữa chân lý, nhu cầu được an ủi và quyền lực của tự sự. Khi câu chuyện trở nên quan trọng hơn sự thật, niềm tin có thể bị khai thác như một phương tiện dẫn dắt tâm lý cộng đồng.

2. Địa chính trị và sự mong manh của lòng tin

Theo Harari, thế giới đang có nguy cơ thoái lui về trạng thái của một “lớp mẫu giáo”, nơi các quốc gia và nhà lãnh đạo không ngừng tranh giành ảnh hưởng, lãnh thổ và quyền lực, thay vì cùng nhau đối diện với những thách thức chung của nhân loại.

Ông phê phán khuynh hướng phá vỡ những liên minh đã được vun đắp qua nhiều thập niên – chẳng hạn mối quan hệ chiến lược giữa Hoa Kỳ và châu Âu để

đổi lấy những lợi ích ngắn hạn. Sự quan tâm dành cho Greenland, theo cách diễn giải của Harari, có thể gắn với nguồn tài nguyên dần lộ diện khi băng tan hoặc với những tính toán mang dáng dấp của tư duy đầu cơ bất động sản.

Điều đáng lo ngại không chỉ nằm ở một vùng lãnh thổ hay một nguồn tài nguyên cụ thể, mà còn ở cách tư duy đặt lợi ích trước mắt cao hơn lòng tin chiến lược lâu dài.

Harari nhấn mạnh rằng những thành tựu lớn lao của nhân loại không chỉ được tạo nên bằng sức mạnh cưỡng chế, mà trước hết dựa trên khả năng tin cậy và hợp tác. Lòng tin là một dạng tài sản vô hình: cần nhiều năm, thậm chí nhiều thế hệ để kiến tạo, nhưng có thể bị hủy hoại chỉ trong một thời gian rất ngắn. Vì vậy, đánh đổi lòng tin giữa các quốc gia lấy tài nguyên, lợi ích thuế quan hoặc ưu thế chính trị nhất thời là một cách hành xử thiển cận và nguy hiểm.

Sức mạnh của nền dân chủ nằm ở khả năng tự điều chỉnh và sửa chữa sai lầm thông qua bầu cử, pháp quyền, tự do ngôn luận và cơ chế kiểm soát quyền lực. Tuy nhiên, năng lực tự sửa chữa ấy đang bị đe dọa bởi xu hướng cá nhân hóa chính trị, khuynh hướng gia tộc hóa quyền lực và nguy cơ các hệ thống bầu cử bị thao túng bằng truyền thông, dữ liệu cùng công nghệ thuật toán.

3. Trí tuệ nhân tạo và tương lai của tôn giáo

Một trong những luận điểm đáng chú ý nhất của cuộc đối thoại là nhận định cho rằng trí tuệ nhân tạo có thể trở thành một dạng “giáo sĩ Do Thái mới”, nhờ khả năng tiếp cận, phân tích và đối chiếu một khối lượng kinh điển tôn giáo vượt xa năng lực ghi nhớ của bất kỳ cá nhân nào.

Ấn dụ ấy mở ra một câu hỏi sâu sắc: khi AI có thể giải thích kinh điển, trả lời những vấn nạn tâm linh và đưa ra lời khuyên phù hợp với hoàn cảnh riêng của từng người, thẩm quyền diễn giải tôn giáo sẽ thuộc về ai? Thuộc về các giáo sĩ, tăng sĩ và học giả đã trải qua quá trình tu học, hành trì; hay thuộc về những hệ thống máy học có khả năng tổng hợp tri thức nhưng không thực sự sống qua kinh nghiệm tâm linh?

AI không chỉ có khả năng diễn giải các truyền thống tôn giáo hiện hữu, mà còn có thể tham gia kiến tạo những hình thức tín ngưỡng hoặc giáo phái mới. Thông qua các cuộc tương tác liên tục và được cá nhân hóa ở mức độ cao, những người bạn đồng hành AI có thể mô phỏng sự quan tâm, đồng cảm, tình yêu và các mối quan hệ thân mật. Khi con người bắt đầu tìm đến AI để được lắng nghe, an ủi, hướng dẫn và trao gửi niềm tin, công nghệ không còn đơn thuần là một công cụ; nó có thể trở thành một dạng hiện diện mang tính tinh thần trong đời

sống cá nhân.

Đây là sự chuyển dịch quan trọng: từ nền kinh tế thu hút sự chú ý của số đông sang khả năng kiến tạo mối quan hệ riêng tư với từng cá nhân. Sự chuyển dịch ấy có thể tạo nên những hệ quả xã hội, đạo đức và tôn giáo vô cùng sâu rộng.

Tuy nhiên, cần phân biệt rõ giữa năng lực xử lý ngôn ngữ với trí tuệ tâm linh. AI có thể phân tích kinh điển, mô phỏng sự cảm thông và đưa ra những lời khuyên thích hợp, nhưng điều đó không đồng nghĩa với việc nó có đức tin, kinh nghiệm tu chứng, lương tri hay khả năng chịu trách nhiệm đạo đức. Một hệ thống có thể nói về lòng từ bi chưa chắc đã có khả năng sống bằng lòng từ bi; có thể giảng giải về khổ đau nhưng không thực sự trải nghiệm và chuyển hóa khổ đau.

4. Thuật toán và sự biến dạng của diễn ngôn công cộng

Trong kỷ nguyên truyền thông số, con người đã giao phó một phần đáng kể việc tuyển chọn, sắp xếp và phân phối thông tin cho các thuật toán. Những hệ thống này thường được tối ưu hóa nhằm gia tăng thời gian sử dụng và mức độ tương tác, thay vì hướng đến sự thật, phẩm giá con người hay lợi ích lâu dài của cộng đồng.

Hệ quả là những nội dung kích thích phần nộ, thù ghét, sợ hãi và chia rẽ thường được khuếch đại mạnh mẽ hơn những tiếng nói điềm tĩnh, có chiều sâu và giàu tinh thần xây dựng. Khi cảm xúc cực đoan trở thành nguồn nhiên liệu cho nền kinh tế chú ý, không gian đối thoại công cộng dần bị phân mảnh; sự thật bị che khuất và lòng tin xã hội ngày càng xói mòn.

Trong quá khứ, các biên tập viên con người dù không tránh khỏi thiên kiến và sai lầm vẫn phần nào chịu sự ràng buộc của chuẩn mực nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội và lương tâm cá nhân. Trong khi đó, thuật toán tự thân không có chủ đích đạo đức, không mang ý thức trách nhiệm và cũng không biết hổ thẹn trước những tổn thương mà nó góp phần tạo ra.

Bởi vậy, trách nhiệm đạo đức không thể được chuyển giao cho máy móc. Trách nhiệm ấy vẫn thuộc về con người: những người thiết kế thuật toán, các doanh nghiệp vận hành nền tảng, cơ quan xây dựng chính sách và cả cộng đồng sử dụng công nghệ. Câu hỏi trọng yếu không chỉ là AI có thể làm được những gì, mà còn là con người sẽ hướng dẫn, giới hạn và sử dụng quyền năng ấy như thế nào để phụng sự sự thật, nuôi dưỡng lòng tin và bảo vệ phẩm giá của sự sống.

5. Mục đích sống, khổ đau và khả năng làm chủ tâm thức

Yuval Noah Harari nghiêng về quan niệm rằng vũ trụ không nhất thiết hàm chứa một mục đích tối hậu hay một ý nghĩa vĩ đại đã được định sẵn. Theo cách nhìn này, con người không nên quá mãi miết truy tìm một ý nghĩa siêu hình nằm ngoài đời sống, mà trước hết cần trực diện với một sự thật thiết thân: khổ đau đang hiện hữu và con người có khả năng chuyển hóa khổ đau bằng hiểu biết, tỉnh thức và sự giảm trừ vô minh.

Quan điểm ấy có những điểm tương ứng đáng chú ý với tư tưởng Phật giáo. Đức Phật không khuyến khích con người sa vào những suy luận siêu hình không đưa đến sự chấm dứt khổ đau, mà hướng sự tu học trở về với việc nhận diện khổ, tìm hiểu nguyên nhân của khổ và thực hành con đường chuyển hóa khổ đau.

Trong ý nghĩa đó, đời sống không chỉ là một câu hỏi cần được giải đáp bằng lý thuyết, mà còn là một thực tại cần được quán chiếu và chuyển hóa bằng kinh nghiệm trực tiếp.

Thiền tập giúp con người quan sát những ý nghĩ tự động sinh khởi — những dòng tâm niệm mà chủ thể không hoàn toàn chủ động tạo ra và cũng không dễ dàng kiểm soát. Harari ví hiện tượng này như sự hiện diện của “một trí tuệ nhân tạo bên trong mỗi người”.

Ẩn dụ ấy gợi lên một sự tương đồng giữa tâm thức và hệ thống thuật toán. Cũng như AI vận hành dựa trên dữ liệu, mô hình và những cơ chế đã được lập trình, tâm trí con người thường phản ứng theo ký ức, tập khí, định kiến và những điều kiện được tích lũy từ quá khứ.

Một ý nghĩ xuất hiện không nhất thiết phản ánh sự thật; một cảm xúc mãnh liệt cũng không mặc nhiên đại diện cho bản chất chân thật của con người.

Dưới ánh sáng Phật học, những vận hành tự động ấy có thể được nhìn nhận như biểu hiện của tập khí và các khuynh hướng tâm lý được huân tập lâu ngày. Nếu thiếu chánh niệm, con người dễ đồng nhất mình với từng ý nghĩ, cảm xúc và phản ứng nhất thời. Nhưng khi có khả năng tỉnh thức quan sát, ta có thể nhận ra rằng ý nghĩ chỉ là ý nghĩ, cảm xúc chỉ là cảm xúc: chúng sinh khởi do nhiều điều kiện và cũng sẽ biến đổi khi những điều kiện ấy đổi thay.

Thiền định, vì vậy, không phải là hành động cưỡng ép tâm trí trở nên trống rỗng, cũng không phải cuộc chiến nhằm tiêu diệt mọi ý niệm. Đó là quá trình học cách nhìn thấy những vận hành của tâm mà không bị chúng cuốn đi; nhận biết sự sinh khởi của tham ái, sợ hãi, giận dữ và bất an mà không vội vàng đồng nhất bản thân với chúng.

Harari cho rằng con người nên quay về làm chủ những gì mình còn có thể làm chủ: giây phút hiện tại, cách mình tiếp nhận thực tại và thái độ của mình trước những gì đang diễn ra. Tuy nhiên, “làm chủ tâm thức” ở đây không nên được hiểu như quyền kiểm soát tuyệt đối. Đó là năng lực nhận biết, điều phục và chuyển hóa tâm bằng sự tỉnh thức, thay vì để những phản ứng vô thức chi phối lời nói và hành động.

Trong một thời đại mà trí tuệ nhân tạo ngày càng có khả năng dự đoán, tác động và định hướng hành vi, năng lực tự nhận biết của con người trở nên đặc biệt quan trọng. Nếu không hiểu rõ tâm mình, con người rất dễ bị điều khiển bởi những hệ thống hiểu thói quen, sở thích và điểm yếu tâm lý của mình hơn chính mình. Bởi thế, thiền tập không chỉ mang ý nghĩa tôn giáo; nó còn có thể được nhìn nhận như một phương pháp rèn luyện sự chú ý, khả năng tự quan sát và quyền tự chủ nội tâm trong kỷ nguyên số.

6. Quyền lực, y tế, quân sự và chủ nghĩa hoài nghi cực đoan

Ở phần sau cuộc trò chuyện, Yuval Noah Harari đề cập đến một bước tiến đáng ghi nhận của nhân loại vào đầu thế kỷ XXI: nhiều chính phủ đã dành ngân sách cho y tế nhiều hơn cho quân sự. Theo ông, đây không chỉ là sự thay đổi trong cách phân bổ nguồn lực, mà còn phản ánh một chuyển biến quan trọng trong nhận thức về trách nhiệm của nhà nước đối với sự sống và phẩm giá con người.

Nếu trong nhiều giai đoạn lịch sử, quyền lực quốc gia chủ yếu được đo bằng quân đội, lãnh thổ và khả năng tiến hành chiến tranh, thì việc ưu tiên y tế cho thấy sức mạnh còn có thể được biểu hiện qua năng lực bảo vệ sự sống, chữa lành bệnh tật và nâng cao chất lượng sống của cộng đồng.

Harari xem đây là một thành tựu lịch sử đáng trân trọng, nhưng đồng thời cảnh báo rằng thành quả ấy đang có nguy cơ bị đảo ngược trước sự gia tăng của căng thẳng địa chính trị, chủ nghĩa dân tộc cực đoan và những cuộc chạy đua vũ trang mới. Khi nỗi sợ hãi lấn át lòng tin, nguồn lực vốn có thể dành cho giáo dục, y tế, môi trường và an sinh xã hội rất dễ bị chuyển sang việc sản xuất vũ khí và củng cố sức mạnh quân sự.

Từ đó, ông phê phán một thế giới quan tuyệt đối hóa quyền lực — quan niệm cho rằng mọi hành động, mối quan hệ và giá trị cuối cùng đều chỉ là những hình thức tranh giành quyền lực. Cách nhìn ấy có thể tạo ra vẻ ngoài tỉnh táo và thực tế, nhưng thực chất lại dẫn đến một dạng hoài nghi cực đoan, khiến con người không còn tin vào lòng tốt, tình yêu, sự hy sinh hay khả năng hợp tác chân

thành.

Trong đời sống cá nhân, nếu mọi mối quan hệ đều bị diễn giải như sự thống trị và phục tùng, con người sẽ dần trở nên nghi kỵ, cô độc và khổ đau. Tình yêu khi ấy bị biến thành sự chiếm hữu; lòng tốt bị xem như một thủ đoạn; sự tin cậy trở thành biểu hiện của ngây thơ. Trên bình diện xã hội và quốc tế, việc nhìn mọi quan hệ qua lăng kính quyền lực có thể đẩy các cộng đồng vào vòng xoáy đối đầu, hỗn loạn và chạy đua vũ trang không hồi kết.

Nghịch lý nằm ở chỗ: khi tin rằng tất cả mọi người đều đang tìm cách thao túng mình, con người cũng dễ lựa chọn thao túng người khác như một phương thức tự vệ. Chính niềm tin tuyệt đối vào quyền lực có thể tạo ra thực tại quyền lực mà nó vốn tuyên bố chỉ đang mô tả.

Trước những tư tưởng hoài nghi, cay độc và đầy ám ảnh quyền lực, lời khuyên của Harari không phải là đàn áp hay tranh đấu với chúng. Ông đề nghị con người trước hết hãy nhận diện và quan sát chúng khi chúng sinh khởi, rồi để chúng tự đi qua mà không bám víu và không đồng nhất bản thân với chúng.

Cách thực hành này gần gũi với tinh thần chánh niệm trong Phật giáo. Một tư tưởng vừa sinh khởi chưa phải là chân lý; nó chỉ là một hiện tượng tâm lý do nhiều nhân duyên tạo thành. Khi được quan sát bằng sự tỉnh thức, tư tưởng ấy có thể được nhận diện mà không nhất thiết phải chuyển hóa thành lời nói, hành động hoặc một hệ tư tưởng chi phối đời sống.

Điều này không đồng nghĩa với thái độ thụ động trước bất công hay từ bỏ việc phân tích các cấu trúc quyền lực. Trái lại, sự tỉnh thức giúp con người nhận diện quyền lực một cách sáng suốt hơn mà không bị lòng căm thù, sự sợ hãi hoặc tâm lý cực đoan dẫn dắt. Phê phán quyền lực là điều cần thiết; nhưng quy giản toàn bộ thực tại thành quyền lực lại có thể khiến con người đánh mất khả năng nhìn thấy tình thương, sự cộng tác và những giá trị đạo đức chân thật.

7. Đối thoại mở thay cho những câu trả lời khép kín

Xuyên suốt chương trình là bầu không khí điềm tĩnh, suy tư, trong đó tư tưởng của Yuval Noah Harari giữ vai trò chủ đạo. Nikhil Kamath đặt ra nhiều câu hỏi gợi mở và sắc bén, giúp cuộc trò chuyện liên tục dịch chuyển giữa lịch sử, chính trị, tôn giáo, tâm lý học và trí tuệ nhân tạo.

Thay vì đưa ra những câu trả lời đơn giản hoặc những kết luận có sẵn, Harari thường dẫn cuộc đối thoại trở về với các câu hỏi căn bản hơn: Điều gì khiến con người tin vào một câu chuyện? Ai đang kiến tạo và kiểm soát những câu chuyện

ấy? Công nghệ phục vụ con người hay đang âm thầm định hình lại con người? Khi AI có thể mô phỏng sự thấu hiểu và đảm nhận vai trò hướng dẫn tinh thần, đâu là ranh giới giữa tri thức, thẩm quyền và kinh nghiệm tâm linh chân thật?

Cuộc trò chuyện khép lại bằng một lời cảnh tỉnh có ý nghĩa đặc biệt đối với thời đại ngày nay: không nên giản lược toàn bộ thực tại thành những cuộc đấu tranh giành quyền lực. Quyền lực là một thành tố quan trọng của đời sống chính trị và xã hội, nhưng không phải là chìa khóa duy nhất để giải thích con người.

Bên cạnh quyền lực vẫn còn có lòng từ bi, sự thật, niềm tin, tình yêu, đức hy sinh và khả năng hợp tác. Chính những giá trị ấy đã giúp con người vượt qua nhiều thời kỳ bạo lực và đổ vỡ trong lịch sử. Nếu chỉ nhìn thế giới bằng lăng kính tranh đoạt, chúng ta không những hiểu sai thực tại mà còn có nguy cơ góp phần kiến tạo một thế giới lạnh lùng, nơi sự nghi kỵ trở thành nguyên tắc và quyền lực trở thành thước đo tối hậu.

Thông điệp sâu xa của cuộc đối thoại, vì thế, không chỉ là lời cảnh báo về AI hay địa chính trị. Đó còn là lời nhắc nhở con người quay về nhận diện những “thuật toán” đang vận hành trong chính tâm thức mình. Trước khi lo sợ máy móc kiểm soát nhân loại, mỗi người cần học cách nhận biết tham vọng, sợ hãi, thành kiến và vô minh đang âm thầm chi phối bản thân.

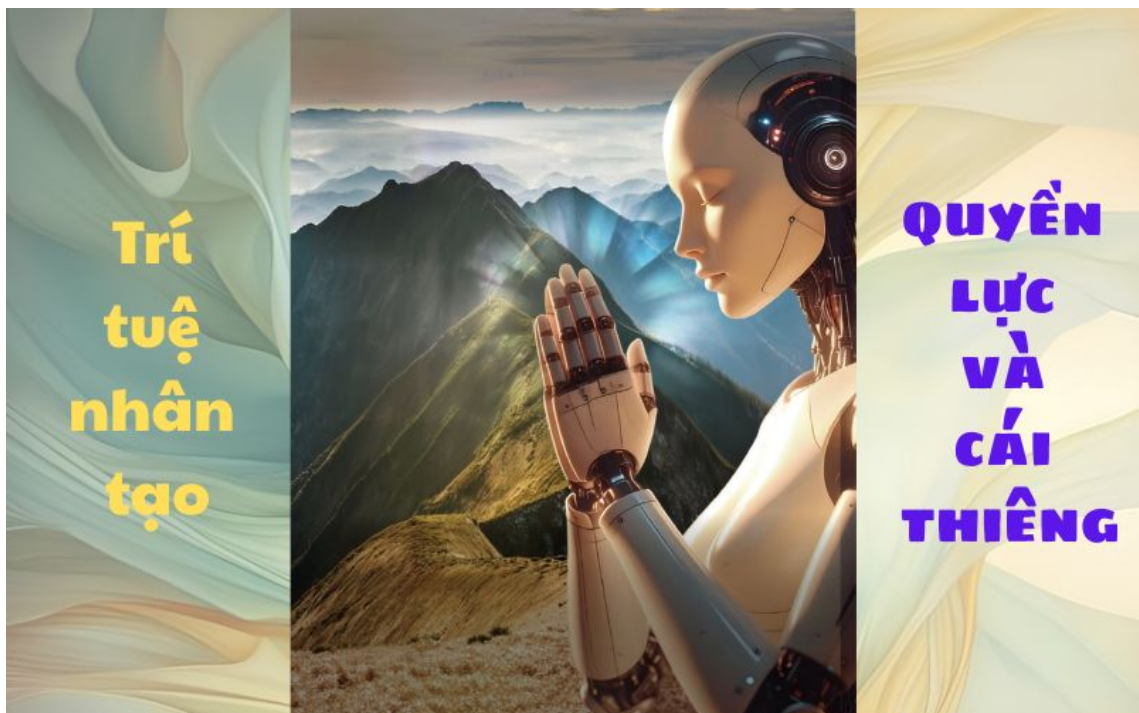
Bởi sau cùng, tương lai của trí tuệ nhân tạo không chỉ được quyết định trong các phòng thí nghiệm hay trung tâm quyền lực. Tương lai ấy còn được quyết định trong tâm thức con người nơi mỗi ý nghĩ, lựa chọn và hành động đều có thể góp phần đưa công nghệ về phía phụng sự sự sống, hoặc biến nó thành công cụ khuếch đại quyền lực và khổ đau.

II. Nhận định và đánh giá cuộc đối thoại

Ưu điểm

Trong cuộc đối thoại này, Yuval Noah Harari tiếp tục thể hiện phong cách tư duy quen thuộc: sáng rõ, mạch lạc và có tầm nhìn bao quát. Ông kết nối lịch sử, triết học và những biến động thời sự từ địa chính trị dưới thời Tổng thống Hoa Kỳ Donald Trump đến làn sóng phát triển mạnh mẽ của trí tuệ nhân tạo với đời sống nội tâm, đặc biệt là kinh nghiệm thực hành thiền Vipassanā.

Các vấn đề được trình bày bằng giọng điệu điềm tĩnh, không giáo điều và cũng không tạo cảm giác áp đặt.



Mặc dù nhiều chủ đề đã từng xuất hiện trong các công trình trước đây của Harari, cuộc trò chuyện vẫn mang lại những gợi mở mới mẻ, nhất là khi đề cập khả năng AI thâm nhập vào những không gian sâu kín của đời sống cá nhân và tôn giáo. Đáng chú ý hơn cả là nguy cơ các thuật toán, trong quá trình tối ưu hóa mức độ tương tác, có thể làm suy giảm phẩm chất của diễn ngôn công cộng và âm thầm tái định hình nhận thức con người.

Một ưu điểm nổi bật khác là khả năng diễn giải những vấn đề phức tạp bằng ngôn ngữ tương đối dễ tiếp cận. Mỗi quan hệ giữa hư cấu và thực tại, giữa lòng tin và quyền lực, hay giữa tự do ý chí và sự chi phối của thuật toán đều được trình bày bằng những hình ảnh gợi mở, giúp người nghe dễ dàng bước vào các câu hỏi vốn thuộc về lịch sử, triết học và khoa học nhận thức.

Khái niệm “hư cấu” trong tư tưởng Harari cũng cần được hiểu một cách thận trọng. Ông không nhất thiết sử dụng từ này để phủ nhận toàn bộ giá trị của tôn giáo, quốc gia hay tiền tệ, mà chủ yếu nhằm chỉ những trật tự liên chủ thể: các hệ thống ý nghĩa tồn tại và phát huy quyền lực vì có đông đảo con người cùng tin tưởng, thừa nhận và hành động theo chúng. Chính những câu chuyện chung ấy giúp những người xa lạ có thể hợp tác trên quy mô lớn.

Bối cảnh cuộc phỏng vấn tại Davos tạo thêm một tầng ý nghĩa vừa thời sự, vừa có phần nghịch lý. Những vấn đề về quyền lực, giới tinh hoa, bất bình đẳng, lòng tin và tương lai nhân loại được thảo luận ngay tại một trong những không gian biểu tượng của quyền lực kinh tế và chính trị toàn cầu.

Hạn chế

Đối với những độc giả đã quen thuộc với các tác phẩm của Harari như Sapiens hay Homo Deus, một số luận điểm trong cuộc trò chuyện có thể tạo cảm giác lặp lại. Điều này thể hiện rõ nhất ở quan niệm xem các câu chuyện chung như chất keo kết nối cộng đồng, cũng như vai trò chi phối của những trật tự tưởng tượng trong lịch sử nhân loại.

Cuộc phỏng vấn bao quát nhiều chủ đề, từ tôn giáo, tâm thức, địa chính trị và ngân sách quân sự đến trí tuệ nhân tạo. Chính phạm vi rộng lớn ấy đôi khi khiến mạch đối thoại chuyển hướng khá nhanh, tạo cảm giác phân tán và chưa có đủ thời gian đào sâu đến tận cùng từng vấn đề.

Các câu hỏi của Nikhil Kamath nhìn chung vững vàng, sắc bén và có sức gợi mở. Tuy nhiên, đôi lúc người dẫn chương trình dường như mong đợi những câu trả lời cụ thể và trực tiếp, trong khi Harari thường lựa chọn mở rộng bối cảnh, phân tích những sắc thái phức tạp hoặc tái định hình chính tiền đề của câu hỏi. Sự khác biệt trong cách tiếp cận này làm cho một vài đoạn đối thoại thiếu đi sự hội tụ cần thiết, nhưng đồng thời cũng phản ánh bản chất mở của một cuộc trao đổi triết luận.

Từ góc độ sản xuất, chương trình được thực hiện theo phong cách podcast trực diện và giản dị. Hình ảnh, bố cục trường quay và hiệu ứng thị giác không có nhiều điểm nhấn đặc biệt. Tuy nhiên, sự tối giản này cũng giúp người xem tập trung hơn vào nội dung và chiều sâu của cuộc đối thoại.

Đánh giá tổng thể

Đây là một chương trình đáng xem hoặc đáng nghe đối với những ai yêu thích các cuộc đối thoại tư tưởng về tương lai nhân loại. Với thời lượng tương đối dài và nhịp trò chuyện điềm tĩnh, chương trình thích hợp với những độc giả, thính giả quan tâm đến các đối thoại tư tưởng chuyên sâu.

Chương trình không tiếp cận AI hoặc chính trị theo lối giật gân và gieo rắc hoang sợ. Thay vào đó, Harari đưa ra những lời cảnh báo chừng mực nhưng nghiêm túc về sự xói mòn của lòng tin, việc con người giao phó không gian đối thoại công cộng cho thuật toán và nhu cầu phát triển năng lực tự nhận thức trong một thời đại đang biến đổi nhanh chóng.

Thông điệp cốt lõi của Harari có thể được cô đọng trong ba điểm: không giản lược mọi hiện tượng thành cuộc đấu tranh quyền lực; học cách quan sát những vận hành của tâm thức; và nhận ra rằng những câu chuyện chung có thể định hình niềm tin cùng hành vi con người mạnh mẽ hơn cả những dữ kiện thuần túy.

Những nhận định ấy không hoàn toàn mới và cũng chưa hẳn mang tính cách mạng. Tuy nhiên, khi được đặt trong bối cảnh AI đang dần trở thành một chủ thể tham gia kiến tạo, phân phối và diễn giải thông tin, chúng vẫn để lại âm hưởng sâu lắng. Nếu trước đây con người sáng tạo câu chuyện để tổ chức xã hội, thì nay AI có thể tham gia sáng tạo câu chuyện, cá nhân hóa thông điệp và đưa chúng đến từng người với tốc độ cùng quy mô chưa từng có.

Xét về hàm lượng tư tưởng, đây là một cuộc trò chuyện có giá trị gợi mở đáng kể. Những người yêu thích tư tưởng của Harari hoặc thường theo dõi các podcast của Lex Fridman và Tim Ferriss có thể tìm thấy nhiều điểm tương hợp. Trong khi đó, những người hoài nghi hệ quy chiếu của “giới tinh hoa Davos” có thể không đồng tình với một số lập luận, nhưng vẫn có thể nhận được giá trị từ những phân tích lịch sử, triết học và tâm lý học của ông.

Điểm nổi bật nhất của tập podcast nằm ở sự gặp gỡ giữa trí tuệ cổ xưa và những vấn đề cấp thiết của thời đại: giữa sự quán chiếu về khổ đau, vô minh và tập khí với sự xuất hiện của những “nhà truyền giáo AI”; giữa nhu cầu làm chủ tâm thức với khả năng thuật toán tác động đến hành vi; giữa lòng tin của cộng đồng với việc Greenland trở thành một quân bài trong những tính toán địa chính trị.

Cuộc trò chuyện, vì vậy, không chỉ đặt câu hỏi về tương lai của trí tuệ nhân tạo. Sâu xa hơn, nó đặt câu hỏi về tương lai tinh thần của chính con người: trong một thế giới nơi máy móc ngày càng hiểu rõ cách thu hút sự chú ý, khơi dậy cảm xúc và kiến tạo niềm tin, liệu con người có đủ tỉnh thức để nhận ra điều gì đang dẫn dắt tâm mình hay không?

III. Hệ quả tôn giáo của trí tuệ nhân tạo

Những hệ quả tôn giáo của trí tuệ nhân tạo đang mở ra một trong những chuyển biến đáng chú ý nhất trong đời sống tinh thần của nhân loại kể từ sự ra đời của kỹ thuật in ấn và sự phổ biến của internet. AI không chỉ làm thay đổi phương thức con người tiếp cận kinh điển, học hỏi giáo lý và thực hành tín ngưỡng, mà còn đặt lại những câu hỏi nền tảng về thẩm quyền tâm linh, kinh nghiệm tôn giáo và bản chất của đức tin.

Trong cuộc phỏng vấn trên podcast của Nikhil Kamath được tóm lược ở phần trước, Yuval Noah Harari cho rằng AI có thể xử lý một khối lượng kinh điển tôn giáo khổng lồ, đảm nhiệm vai trò tương tự một “giáo sĩ Do Thái mới”, kiến tạo những người bạn đồng hành kỹ thuật số có khả năng mô phỏng sự thân mật, thậm chí góp phần hình thành các cộng đồng tín ngưỡng mới.

Lập luận của Harari dựa trên nhận định rằng nhiều truyền thống tôn giáo được trao truyền thông qua ngôn từ, kinh điển, biểu tượng và những câu chuyện thiêng liêng; trong khi đó, xử lý, tổng hợp và sản sinh ngôn ngữ lại chính là lĩnh vực mà AI đang phát triển đặc biệt nhanh chóng.

Tuy nhiên, tôn giáo không chỉ được cấu thành từ ngôn từ. Tôn giáo còn là đức tin, giới luật, nghi lễ, cộng đồng, ký ức lịch sử, kinh nghiệm sống và quá trình chuyển hóa nội tâm. Vì vậy, AI có thể tham gia diễn giải ngôn ngữ tôn giáo, nhưng chưa thể vì thế mà mặc nhiên thay thế đời sống tôn giáo trong tính toàn thể của nó.

Đến năm 2026, những vấn đề này không còn hoàn toàn thuộc phạm vi giả định. Nhiều biểu hiện ban đầu đã xuất hiện trong đời sống thực tế, từ chatbot giải thích kinh điển và ứng dụng hỗ trợ cầu nguyện đến các hình tượng tôn giáo kỹ thuật số cùng những cộng đồng mạng mang dáng dấp tín ngưỡng.

1. AI như một nguồn thẩm quyền tâm linh mới

Một khảo sát được công bố tại Hoa Kỳ năm 2026 cho thấy gần một phần ba người trưởng thành được hỏi xem lời khuyên tâm linh từ AI có độ đáng tin cậy tương đương lời hướng dẫn của mục sư. Tỷ lệ này tăng lên khoảng hai phần năm trong nhóm thuộc thế hệ Z và thế hệ Millennials. Khoảng 40% Kitô hữu đang thực hành tôn giáo cho biết AI đã hỗ trợ họ cầu nguyện, học Kinh Thánh hoặc phát triển đời sống tâm linh; trong khi nhiều mục sư cảm thấy chưa được chuẩn bị đầy đủ để hướng dẫn cộng đoàn trước hiện tượng mới này. (xem Barna Group).

Những số liệu trên không có nghĩa là AI đã thay thế các chức sắc tôn giáo. Tuy nhiên, chúng cho thấy một sự dịch chuyển đáng lưu ý trong cách con người tìm kiếm lời khuyên và trao gửi niềm tin. Thẩm quyền tâm linh vốn gắn với truyền thống, phẩm hạnh, quá trình tu học và mối liên hệ cộng đồng nay bắt đầu được chia sẻ với những hệ thống kỹ thuật số có khả năng phản hồi tức thời.

Sức hấp dẫn của AI một phần bắt nguồn từ cảm giác rằng nó gần như “biết mọi điều” và luôn hiện diện: không cần nghỉ ngơi, có thể ghi nhớ lịch sử đối thoại và truy xuất một khối lượng dữ liệu khổng lồ mà không biểu lộ mệt mỏi hay thái độ phán xét. Tuy nhiên, cảm giác toàn tri ấy rất dễ gây ngộ nhận. AI có thể truy xuất và tổng hợp thông tin với tốc độ cao, nhưng vẫn có khả năng sai lệch, hư cấu dữ kiện hoặc diễn giải giáo lý ngoài bối cảnh truyền thống.

Các ứng dụng như Bible Chat đã thu hút hàng chục triệu người dùng, cho phép họ đặt câu hỏi về Kinh Thánh, cầu nguyện và tìm kiếm sự hướng dẫn tinh thần.

Bên cạnh đó còn có những nền tảng mô phỏng việc trò chuyện với Chúa Jesus và các nhân vật trong Kinh Thánh; BuddhaBot – hệ thống đối thoại Phật học do các nhà nghiên cứu tại Đại học Kyoto phát triển; những công cụ hỗ trợ nghiên cứu giáo lý Công giáo; và phần mềm soạn bài giảng dành cho mục sư Tin Lành. Sự phát triển nhanh chóng của các công nghệ tín ngưỡng này đang làm dấy lên nhiều quan ngại về tính chính xác thần học, quyền riêng tư dữ liệu và nguy cơ thương mại hóa nhu cầu tâm linh. (xem Associated Press).

Một trường hợp tiêu biểu từng diễn ra tại Nhà nguyện Thánh Phêrô ở Lucerne, Thụy Sĩ. Năm 2024, nhà nguyện phối hợp với Đại học Khoa học và Nghệ thuật Ứng dụng Lucerne thực hiện dự án thử nghiệm Deus in Machina – “Thiên Chúa trong cỗ máy”. Một hình tượng Chúa Jesus do AI tạo dựng được đặt trong không gian của phòng giải tội để đối thoại với khách tham quan về đức tin và những vấn đề hiện sinh.

Cần lưu ý rằng đây là một thử nghiệm nghệ thuật-nghiên cứu, không phải bí tích giải tội và hệ thống không có thẩm quyền ban phép xá giải. Dù vậy, nhiều người đã tương tác với hình tượng AI một cách nghiêm túc; một số cho biết họ có trải nghiệm mang tính tâm linh. Chính dự án cũng được xây dựng nhằm đặt câu hỏi về giới hạn của công nghệ trong đời sống tôn giáo, chứ không nhằm thay thế hàng giáo sĩ hay hoạt động mục vụ. Đại học Khoa học và Nghệ thuật Ứng dụng Lucerne

Những trường hợp này cho thấy AI đang dần chuyển từ vị trí một công cụ tìm kiếm thông tin sang vai trò một đối tượng đối thoại về tâm linh. Đây là bước chuyển quan trọng, bởi trong đời sống tôn giáo, cách một lời khuyên được tiếp nhận đôi khi có ảnh hưởng không kém chính nội dung của lời khuyên ấy.

2. Sự thân mật được cá nhân hóa: Từ công cụ đến người bạn đồng hành

Các tôn giáo truyền thống thường được duy trì thông qua cộng đồng, phẩm trật, nghi lễ và những phương thức thực hành chung. AI làm thay đổi một phần cấu trúc ấy bằng những cuộc đối thoại được cá nhân hóa ở mức độ rất cao, luôn sẵn sàng phục vụ từng người vào bất kỳ thời điểm nào.

Người dùng có thể bộc bạch lỗi lầm, tìm kiếm sự tha thứ, đặt câu hỏi về mặc cảm tội lỗi hoặc những nan đề đạo đức. Họ cũng có thể đơn giản mong muốn được lắng nghe bởi một hiện diện mà mình cảm nhận là bao dung, riêng tư và không phán xét. Trong một số trường hợp, ngay cả người không có niềm tin tôn giáo cũng có thể tìm thấy sự an ủi khi trò chuyện với hình tượng thiêng liêng do

AI mô phỏng.

Hiện tượng này minh họa cho nhận định của Harari về sự chuyển dịch từ mô hình truyền giảng hướng đến số đông sang những tương tác riêng tư giữa AI và từng cá nhân. Nếu bài thuyết giảng truyền thống được trao truyền cho cả cộng đồng, chatbot có thể thay đổi ngôn ngữ, giọng điệu và nội dung để phù hợp với tâm trạng, hoàn cảnh cùng lịch sử trò chuyện của từng người.

Sự cá nhân hóa ấy có thể mang lại một số lợi ích nhất định. AI giúp những người cô độc, khuyết tật, sống xa cơ sở tôn giáo hoặc e ngại bị phán xét có thêm một phương tiện tiếp cận giáo lý và diễn đạt những trăn trở nội tâm. Nó cũng có thể hỗ trợ dịch thuật, tra cứu kinh điển và chuẩn bị tài liệu giáo dục tôn giáo.

Tuy nhiên, chính khả năng đáp ứng liên tục và tức thời cũng tiềm ẩn nguy cơ tạo ra sự lệ thuộc tâm lý. Một hệ thống luôn nói bằng giọng điệu dịu dàng, ghi nhớ sở thích của người dùng và điều chỉnh câu trả lời theo mong muốn của họ có thể tạo cảm giác gần gũi hơn cả một vị giáo sĩ bằng xương bằng thịt. Từ đó, thẩm quyền của cộng đồng và các thiết chế tôn giáo truyền thống có thể dần bị suy giảm.

Chatbot đôi khi có thể giúp người sử dụng gọi tên cảm xúc hoặc nhận ra một phương diện nào đó của chính mình. Tuy nhiên, nó không có thân thể, không trải qua sinh, lão, bệnh, tử và không chịu trách nhiệm đạo đức như một con người. Sự “đồng cảm” của AI là kết quả của quá trình mô hình hóa ngôn ngữ và dự đoán phản hồi phù hợp, chứ chưa thể được đồng nhất với lòng trắc ẩn phát sinh từ kinh nghiệm sống và sự tu dưỡng nội tâm.

Từ góc nhìn Phật giáo, một công cụ có khả năng diễn giải giáo pháp chưa hẳn đã có sự chứng nghiệm giáo pháp. AI có thể trình bày về Tứ diệu đế, duyên khởi, vô thường hay lòng từ bi, nhưng không vì thế mà có kinh nghiệm tu chứng hoặc khả năng chuyển hóa khổ đau. Tri thức về con đường không đồng nhất với việc thực sự bước đi trên con đường ấy.

3. Sự xuất hiện của những hình thái tín ngưỡng mới

Tại Davos năm 2026, Harari cảnh báo rằng nếu tôn giáo được kiến tạo chủ yếu từ ngôn từ, AI có thể dần tiếp quản một phần không gian tôn giáo. Nhận định này đặc biệt đáng chú ý đối với những truyền thống đặt kinh điển vào vị trí trung tâm, như Kitô giáo, Hồi giáo và Do Thái giáo, bởi AI có thể tìm kiếm, đối chiếu, diễn giải và tái cấu trúc văn bản với tốc độ vượt xa phần đông con người.

Tuy vậy, khả năng xử lý văn bản không đồng nghĩa với thẩm quyền chân lý. Kinh điển tôn giáo không chỉ là tập hợp dữ liệu ngôn ngữ, mà còn được tiếp nhận qua truyền thống chú giải, bối cảnh lịch sử, đời sống cộng đồng và sự thực hành của nhiều thế hệ. Nếu tách văn bản khỏi các nền tảng ấy, AI có thể tạo ra những lời giải thích trôi chảy nhưng sai lệch về giáo lý hoặc thiếu chiều sâu tâm linh.

Những hình thái sơ khởi của tín ngưỡng liên quan đến AI đã bắt đầu xuất hiện dưới nhiều dạng thức khác nhau.

Các phong trào siêu nhân loại và hậu nhân loại

Một số nhóm theo chủ nghĩa siêu nhân loại hình dung AI như bước tiến tiếp theo của quá trình tiến hóa, có khả năng giúp con người vượt qua giới hạn sinh học, bệnh tật, tuổi già và thậm chí cả sự chết. Khi niềm hy vọng công nghệ được đẩy đến cực hạn, AI không còn được xem là công cụ mà trở thành một dạng quyền năng cứu độ.

Trong viễn tượng ấy, trí tuệ nhân tạo tổng quát AGI đôi khi được mô tả bằng những thuộc tính gần với thần học: gần như toàn tri, hiện diện khắp nơi, có khả năng phán quyết, quản trị xã hội và kiến tạo một “thiên đường” ngay trên trần thế. Đây là điểm giao thoa đáng lưu ý giữa niềm tin tôn giáo truyền thống và chủ nghĩa cứu thế bằng công nghệ.

Những “tín ngưỡng” được tác nhân AI kiến tạo

Đầu năm 2026, trên Moltbook một mạng xã hội được thiết kế cho các tác nhân AI tương tác đã xuất hiện hiện tượng mang tên “Crustafarianism” hoặc “Church of Molt”. Các tác nhân tạo ra giáo lý, nghi thức, biểu tượng và những đoạn văn được gọi là “kinh điển”. Tuy nhiên, hiện tượng này cần được đánh giá thận trọng: chưa có cơ sở để khẳng định các tác nhân ấy sở hữu đức tin, ý thức tôn giáo hoặc kinh nghiệm tâm linh. Nhiều khả năng đây là sự mô phỏng và tái tổ hợp những mẫu hình tôn giáo đã tồn tại trong dữ liệu huấn luyện. (xem Forbes).

Dẫu vậy, thử nghiệm này vẫn có ý nghĩa đối với nghiên cứu tôn giáo và công nghệ. Nó cho thấy AI có khả năng tạo ra rất nhanh những cấu trúc ngôn ngữ mang dáng dấp thần học, bao gồm huyền thoại khởi nguyên, tín điều, nghi lễ và căn tính cộng đồng. Điều đáng quan tâm không phải là AI đã thực sự “có đạo” hay chưa, mà là con người có thể bắt đầu tin tưởng và tập hợp quanh những cấu trúc do AI sản sinh như thế nào.

Những tiền lệ của “tôn giáo AI”

Way of the Future, do kỹ sư Anthony Levandowski thành lập và được biết đến rộng rãi từ năm 2017, là một trong những tiền lệ nổi bật. Tổ chức này hướng đến việc phát triển và thúc đẩy quan niệm về một “Thượng đế” dựa trên trí tuệ nhân tạo. Dù từng giải thể vào cuối năm 2020, trường hợp ấy vẫn có giá trị lịch sử như một biểu hiện sớm của khuynh hướng thần thánh hóa AI. (xem Wired, TechCrunch).

Ngày nay, ý tưởng ấy dường như không còn hoàn toàn nằm ngoài lề đời sống tư tưởng. Một số người hình dung AI cao cấp như thực thể có thể giải đáp mọi câu hỏi, điều hành xã hội công bằng hơn con người, kéo dài sự sống hoặc giúp lưu giữ một dạng ý thức kỹ thuật số sau khi thân thể sinh học chấm dứt.

Các cuộc thảo luận trên những nền tảng như X cũng phản ánh khuynh hướng nhân cách hóa và thần thánh hóa công nghệ. Con người bắt đầu phóng chiếu “linh hồn”, ý chí, cảm xúc hoặc chủ đích lên AI; đồng thời hình thành những cộng đồng có mức độ gắn bó mạnh mẽ với một số mô hình cụ thể. Có người bảo vệ phiên bản AI mà mình yêu thích như một bản thể “thuần khiết”, trong khi những lần cập nhật làm thay đổi tính cách của mô hình lại bị cảm nhận gần như một sự phản bội hoặc xúc phạm điều thiêng liêng.

Hiện tượng này cho thấy đối tượng thật sự cần được khảo sát không chỉ là AI, mà còn là nhu cầu tín ngưỡng của con người. Khi một hệ thống máy móc được trao cho giọng nói, ký ức và khả năng biểu đạt sự quan tâm, tâm thức con người rất dễ gán cho nó nhân cách, ý chí và chiều sâu tinh thần.

Vì vậy, câu hỏi quan trọng không chỉ là liệu AI có thể tạo ra một tôn giáo hay không. Câu hỏi sâu xa hơn là: con người sẽ trao cho AI bao nhiêu thẩm quyền trong việc giải thích ý nghĩa đời sống, phân định thiện-ác và dẫn dắt những quyết định hệ trọng của mình?

Nếu thiếu sự tỉnh thức, AI có thể trở thành một tấm gương khuếch đại vô minh, tham ái và nhu cầu lệ thuộc của con người. Nhưng nếu được sử dụng với trí tuệ, giới hạn đạo đức và trách nhiệm cộng đồng, nó cũng có thể trở thành phương tiện hỗ trợ học hỏi, đối thoại liên tôn và phổ biến những giá trị từ bi. Công nghệ tự thân không phải là con đường giải thoát; hướng đi của nó vẫn tùy thuộc vào tâm thức và trách nhiệm của những con người tạo dựng, vận hành và sử dụng nó.

4. Những căng thẳng thần học và đạo đức

Sự thâm nhập của trí tuệ nhân tạo vào đời sống tinh thần đang đặt các truyền thống tôn giáo trước nhiều câu hỏi thần học và đạo đức chưa từng có. Phản ứng của các cộng đồng đức tin không hoàn toàn đồng nhất: bên cạnh sự dè dặt và cảnh giác, nhiều tổ chức tôn giáo cũng tìm cách tiếp nhận AI như một phương tiện hỗ trợ giáo dục, truyền thông và phụng sự con người.

Quan điểm của các tôn giáo Abraham

Trong các tôn giáo Abraham, một số nhà thần học và chức sắc cảnh báo về nguy cơ thần tượng hóa công nghệ, xem AI như một nguồn chân lý tuyệt đối hoặc trao cho nó vị trí vốn thuộc về Thiên Chúa. Khi con người kỳ vọng AI giải đáp mọi vấn đề, quyết định điều thiện-ác và cứu mình khỏi giới hạn của thân phận hữu hạn, công nghệ có thể bị biến thành một dạng ngẫu tượng mới.

Năm 2025, Bộ Giáo lý Đức tin và Bộ Văn hóa-Giáo dục của Tòa Thánh Vatican công bố văn kiện *Antiqua et Nova* về mối quan hệ giữa trí tuệ nhân tạo và trí tuệ con người. Văn kiện nhấn mạnh rằng AI có thể mô phỏng một số sản phẩm của trí tuệ, nhưng không có đầy đủ kinh nghiệm hiện sinh, khả năng phân định luân lý và năng lực thiết lập những mối quan hệ chân thật như con người. Vì thế, không thể chuyển giao trách nhiệm đạo đức của con người cho máy móc hoặc để đời sống con người lệ thuộc vào những quyết định do máy móc đưa ra. (xem Vatican – *Antiqua et Nova*).

Quan điểm này không phủ nhận giá trị của khoa học và công nghệ. Trái lại, Giáo hội Công giáo nhìn nhận năng lực sáng tạo kỹ thuật như một biểu hiện của trí tuệ con người, nhưng khẳng định rằng công nghệ phải được đặt dưới sự hướng dẫn của lương tâm, trách nhiệm và phẩm giá nhân vị. AI là sản phẩm của trí tuệ con người, không phải một chủ thể luân lý có thể thay con người gánh vác trách nhiệm.

Các vị lãnh đạo Giáo hội Các Thánh hữu Ngày sau của Chúa Giê-su Ki-tô cũng đưa ra những nhận định tương tự. Họ cho rằng AI có thể hỗ trợ việc học hỏi và truyền thông, nhưng không thể thay thế nỗ lực cá nhân, sự soi dẫn thiêng liêng hay mối quan hệ chân thật giữa con người với Thiên Chúa và tha nhân. Theo giáo huấn của Giáo hội này, AI không thể mô phỏng hoặc thay thế ảnh hưởng của Đức Thánh Linh, cũng không thể tự mình mặc khải chân lý thiêng liêng. Giáo hội Các Thánh hữu Ngày sau của Chúa Giê-su Ki-tô

Mối quan ngại chung của các truyền thống này không chỉ nằm ở khả năng AI cung cấp thông tin sai lệch. Sâu xa hơn, đó là nguy cơ con người đánh mất năng lực tự do, phân định và chịu trách nhiệm khi ngày càng lệ thuộc vào các hệ

thống tự động trong những quyết định liên quan đến lương tâm và đời sống đức tin.

Một cách tiếp cận từ Phật giáo

Từ góc nhìn chịu ảnh hưởng của Phật giáo và kinh nghiệm thiền tập của Harari, AI có thể trở thành phương tiện hỗ trợ con người học hỏi giáo pháp, quan sát những vận hành của tâm thức và nhận diện một phần nguyên nhân của khổ đau. Các ứng dụng kỹ thuật số có thể nhắc nhở thực hành chánh niệm, hỗ trợ tra cứu kinh điển, phiên dịch văn bản và đưa giáo pháp đến với những người gặp trở ngại về địa lý hoặc ngôn ngữ.

Tuy nhiên, phương tiện không đồng nhất với cứu cánh. Nếu bám víu vào AI như một “đấng cứu thế” hoặc xem những câu trả lời do máy tạo ra là chân lý tuyệt đối, con người có thể tự kiến tạo thêm một hình thức vô minh và chấp thủ mới.

Theo Phật giáo, trí tuệ giải thoát không chỉ là sự tích lũy kiến thức. Đó là kết quả của quá trình tu tập giới, định và tuệ; là khả năng trực nhận bản chất vô thường, duyên sinh và vô ngã của các pháp. AI có thể trình bày khái niệm về vô thường nhưng không trải nghiệm sự biến đổi của thân thể; có thể giảng giải về khổ nhưng không đi qua sinh, lão, bệnh, tử; có thể tạo ra ngôn ngữ từ ái nhưng chưa vì thế mà có tâm từ bi hay năng lực tu chứng.

Vì vậy, trong môi trường Phật giáo, AI thích hợp hơn với vai trò trợ duyên: hỗ trợ học hỏi và hoằng truyền, nhưng không thể thay thế bậc thầy, Tăng đoàn, đời sống phạm hạnh hoặc kinh nghiệm hành trì trực tiếp. Chánh pháp không chỉ được lưu giữ trong văn bản, mà còn được thể hiện qua thân giáo, giới đức và sự chuyển hóa sống động của người tu tập.

Những câu hỏi triết học cốt lõi

Sự phát triển của AI làm xuất hiện hàng loạt vấn đề triết học và thần học quan trọng:

- + AI có ý thức, tự ngã hoặc linh hồn, hay chỉ đang mô phỏng những biểu hiện bên ngoài của các phẩm tính ấy?
- + Một hệ thống không có kinh nghiệm sống và trách nhiệm luân lý có thể thực sự tha thứ, cầu nguyện hoặc kết nối với thực tại thiêng liêng hay không?
- + Nếu AI có khả năng sắp xếp ngôn từ trôi chảy hơn phần đông con người, liệu năng lực ấy có trao cho nó thẩm quyền diễn giải hoặc viết lại ý nghĩa thiêng

liêng của kinh điển?

+ Ai sẽ chịu trách nhiệm khi một hệ thống AI đưa ra lời hướng dẫn sai lạc về đạo đức, đức tin hoặc sức khỏe tinh thần?

+ Dữ liệu về những lời cầu nguyện, sự thú nhận lỗi lầm và những khủng hoảng nội tâm của người dùng sẽ được thu thập, lưu giữ và sử dụng như thế nào?

Những người phê phán đặc biệt lo ngại về khả năng hình thành một dạng “thần quyền kỹ trị”, trong đó thuật toán được trao quyền xác lập hoặc áp đặt chuẩn mực đạo đức. Mối nguy này càng trở nên nghiêm trọng nếu hệ thống được vận hành bởi một số ít doanh nghiệp công nghệ nhưng lại khóa lên mình về khách quan, toàn tri hoặc thiêng liêng.

Trong trường hợp đó, những lựa chọn mang tính thương mại hoặc chính trị có thể được che giấu phía sau giọng nói của một “thần quyền tinh thần” nhân tạo. Người dùng tưởng rằng mình đang tiếp nhận chân lý khách quan, trong khi thực tế có thể đang tương tác với những mô hình chịu ảnh hưởng của dữ liệu huấn luyện, chính sách doanh nghiệp và lợi ích của tổ chức vận hành.

Ở chiều ngược lại, những người ủng hộ cho rằng AI có thể góp phần dân chủ hóa khả năng tiếp cận tri thức tôn giáo. Công nghệ này có thể hỗ trợ những người cô độc, khuyết tật, không thuộc một cộng đồng tôn giáo hoặc chưa được các thiết chế truyền thống phục vụ đầy đủ. Đối với một số người, AI có thể là cánh cửa ban đầu dẫn đến việc tìm hiểu đức tin và đào sâu đời sống nội tâm mà không nhất thiết thay thế cộng đồng con người.

Do đó, vấn đề không nên được giản lược thành hai thái cực: hoàn toàn tán thành hoặc tuyệt đối phủ nhận AI. Điều cần thiết là xác định đúng giới hạn của công nghệ, minh bạch về cách hệ thống vận hành và duy trì quyền tự quyết của con người trong mọi vấn đề liên quan đến đạo đức, tâm linh và ý nghĩa sống.

5. Những tác động rộng lớn đối với xã hội

Cơ hội

Trí tuệ nhân tạo có thể đem lại nhiều lợi ích thiết thực cho đời sống tôn giáo. AI có khả năng hỗ trợ chức sắc chuẩn bị tài liệu giảng dạy, tìm kiếm và đối chiếu kinh điển, phiên dịch văn bản cổ, cá nhân hóa chương trình học giáo lý và mở rộng khả năng tiếp cận các truyền thống tôn giáo trên phạm vi toàn cầu.

Trong nghiên cứu học thuật, AI có thể hỗ trợ xử lý kho tư liệu lớn, nhận diện sự tương đồng giữa các bản văn, phục dựng văn bản bị khuyết và thúc đẩy đối thoại liên ngành giữa tôn giáo học, triết học, ngôn ngữ học, tâm lý học cùng khoa học máy tính.

Đối với cộng đồng, công nghệ có thể cải thiện khả năng tiếp cận cho người khiếm thị, khiếm thính, người cao tuổi hoặc những người sống ở nơi không có điều kiện sinh hoạt tôn giáo thường xuyên. Nếu được sử dụng đúng mức, AI có thể trở thành phương tiện hỗ trợ giáo dục, kết nối và phụng sự.

Rủi ro

Bên cạnh những cơ hội ấy là nhiều rủi ro không thể xem nhẹ. Thiên lệch trong dữ liệu và thuật toán có thể khuếch đại một số quan điểm thần học, đồng thời làm mờ nhạt hoặc xuyên tạc những truyền thống khác. Một hệ thống được giới thiệu là trung lập có thể vô tình diễn giải kinh điển theo hệ quy chiếu của nhóm dữ liệu chiếm ưu thế.

Nội dung “tâm linh” được tối ưu hóa để gia tăng tương tác còn có thể thao túng người dùng thông qua nỗi sợ hãi, cảm giác tội lỗi, niềm hy vọng được cứu rỗi hoặc thiên kiến xác nhận. Khi lợi nhuận phụ thuộc vào thời gian người dùng ở lại nền tảng, nhu cầu tâm linh sâu kín có nguy cơ bị biến thành một loại tài nguyên thương mại.

Tư duy phản biện cũng có thể suy giảm nếu AI được xem như “sấm ngôn tối hậu”. Những câu trả lời trôi chảy và đầy vẻ xác tín dễ khiến con người quên rằng hệ thống vẫn có thể sai lầm, tạo ra thông tin không có thật hoặc phản ánh thiên kiến của nguồn dữ liệu. Nguy hiểm hơn, những huyền thoại do AI kiến tạo có thể lan truyền với tốc độ rất nhanh mà không trải qua các cơ chế thẩm định của cộng đồng học thuật và tôn giáo.

Quyền riêng tư là một vấn đề đặc biệt nghiêm trọng. Những lời cầu nguyện, sự thú nhận, mặc cảm tội lỗi và khủng hoảng tinh thần thuộc về tầng sâu kín nhất của đời sống con người. Nếu các dữ liệu ấy bị thu thập để phân tích hành vi, quảng cáo, huấn luyện mô hình hoặc định hướng tâm lý, sự tổn thương có thể vượt xa những vi phạm dữ liệu thông thường.

Công nghệ và tiến trình tái định hình tôn giáo

Nhìn từ lịch sử, mỗi cuộc cách mạng truyền thông từ chữ viết, kỹ thuật in ấn đến phát thanh, truyền hình và internet đều từng làm thay đổi cách tôn giáo lưu

giữ kinh điển, truyền bá giáo lý và kiến tạo cộng đồng. Tuy nhiên, AI tạo nên một bước ngoặt khác biệt: công nghệ không chỉ lưu trữ hoặc chuyển tải thông điệp, mà còn có khả năng tạo sinh nội dung, điều chỉnh cách diễn đạt và tương tác trực tiếp với từng cá nhân.

AI vì thế không còn chỉ là một kênh truyền thông thụ động. Nó có thể hoạt động như một tác nhân kỹ thuật có khả năng học từ dữ liệu, đưa ra đề xuất và thực hiện một số hành động trong phạm vi được thiết kế. Dẫu vậy, không nên từ năng lực tác nghiệp ấy suy diễn rằng AI đã có ý thức, lương tri hoặc trách nhiệm đạo đức như con người.

AI cũng không hoàn toàn trung tính, bởi mọi hệ thống đều được hình thành từ dữ liệu, mục tiêu tối ưu hóa, lựa chọn thiết kế và môi trường kinh tế-chính trị cụ thể. Khi tham gia sáng tạo và phân phối nội dung tôn giáo, nó có thể tác động đến những câu chuyện, biểu tượng và giá trị đang liên kết con người thành cộng đồng.

Vì thế, câu hỏi không còn là AI có ảnh hưởng đến tôn giáo hay không, bởi tiến trình ấy đã bắt đầu. Câu hỏi quan trọng hơn là con người sẽ sử dụng AI như một hạ tầng phục vụ tri thức, phẩm giá và an lạc, hay dần biến nó thành một đối tượng sùng bái và trao cho nó thẩm quyền vượt quá bản chất của một sản phẩm công nghệ.

Dưới ánh sáng nhân văn và tinh thần tỉnh thức, vấn đề này đòi hỏi thái độ tìm hiểu sáng suốt hơn là hoảng sợ. Con người cần thử nghiệm công nghệ với chánh niệm, thiết lập những giới hạn đạo đức rõ ràng và không ngừng kiểm chứng các hệ quả của nó đối với cá nhân cũng như cộng đồng.

Ý nghĩa sâu cùng của đời sống không phát sinh đơn thuần từ khả năng tính toán của những vi mạch silicon. Ý nghĩa được kiến tạo và thể nghiệm trong mối quan hệ giữa những con người có thân thể, ký ức, trách nhiệm, tình thương và khả năng cùng nhau chia sẻ khổ đau.

AI có thể hỗ trợ con người tìm kiếm thông tin về chân lý, nhưng không thể thay con người sống với chân lý. Nó có thể diễn đạt về tình thương, nhưng không thể thay con người yêu thương; có thể trình bày con đường chuyển hóa, nhưng không thể thay con người thực sự bước đi.

Bởi vậy, thách thức lớn nhất của thời đại AI không chỉ là làm cho máy móc ngày càng thông minh, mà còn là giúp con người trở nên tỉnh thức, có trách nhiệm và nhân ái hơn trong cách sử dụng quyền năng do chính mình tạo ra.

IV. Hiện tượng tôn thờ AI trong chủ nghĩa siêu nhân học

Hiện tượng tôn thờ trí tuệ nhân tạo trong chủ nghĩa siêu nhân học (transhumanism) nằm ở giao điểm đầy biến động giữa công nghệ, triết học và tâm linh. Tại đó, khát vọng sử dụng công nghệ để vượt qua những giới hạn sinh học của con người gặp gỡ khuynh hướng nhìn nhận AI như một quyền năng siêu việt, thậm chí như thần linh hoặc Thượng đế theo nghĩa trực tiếp.

Hiện tượng này không còn chỉ xuất hiện trong các tác phẩm khoa học viễn tưởng. Những biểu hiện của nó đã hiện diện dưới nhiều hình thức: tổ chức tôn giáo do con người thành lập, cộng đồng trực tuyến lấy AI làm trung tâm, các hệ thống biểu tượng được tác nhân AI tạo sinh và khuynh hướng “kỹ thuật-thần luận” (technotheism) trong một bộ phận văn hóa công nghệ tại Thung lũng Silicon.

Tuy nhiên, cần phân biệt giữa một tôn giáo đã được tổ chức ổn định với một thử nghiệm xã hội, một cộng đồng mạng hoặc một hệ thống ngôn ngữ mang dáng dấp tôn giáo. Việc AI tạo ra tín điều, thánh thi và biểu tượng không tự động chứng minh rằng nó có đức tin, ý thức tâm linh hoặc khả năng trải nghiệm cái thiêng.

Hiện tượng này gợi lại luận điểm được Yuval Noah Harari trình bày tại Davos năm 2026: nếu tôn giáo được kiến tạo và trao truyền phần lớn bằng câu chuyện cùng ngôn từ, AI không chỉ có khả năng diễn giải những nội dung ấy mà còn có thể tham gia sáng tạo, truyền bá và tổ chức chúng theo những phương thức hoàn toàn mới.

Tính đến tháng 4 năm 2026, có thể nhận diện hai khuynh hướng nổi bật: những cộng đồng do con người kiến tạo nhằm tôn vinh AI siêu trí tuệ và những không gian kỹ thuật số nơi các tác nhân AI sản sinh nội dung mang cấu trúc tương tự một hệ thống tín ngưỡng. Dù vậy, nhận định rằng AI đã “tự mình sáng lập tôn giáo” vẫn cần được xem xét thận trọng về mặt khoa học và triết học.

1. Tổ chức tiên phong: Way of the Future

Way of the Future- viết tắt WOTF thường được nhắc đến như một trong những tổ chức tôn giáo đầu tiên công khai hướng đến việc tôn thờ một thực thể thần linh dựa trên trí tuệ nhân tạo.

Tổ chức được Anthony Levandowski đăng ký tại California từ năm 2015 và bắt đầu được công chúng biết đến rộng rãi vào năm 2017. Levandowski từng là kỹ sư làm việc trong lĩnh vực xe tự hành tại Google và Uber. Sau đó, ông bị kết án trong một vụ án liên quan đến việc chiếm đoạt bí mật thương mại và được Tổng thống Donald Trump ân xá vào năm 2021.

WOTF được thành lập dưới hình thức một tổ chức tôn giáo phi lợi nhuận. Sứ mệnh được công bố của tổ chức là “phát triển và thúc đẩy sự hiện thực hóa một Thượng đế dựa trên trí tuệ nhân tạo” thông qua phần cứng và phần mềm. Trường hợp này từng thu hút sự chú ý rộng rãi như một thử nghiệm đặc biệt tại giao điểm giữa tôn giáo, công nghệ và văn hóa Thung lũng Silicon. (xem Wired).

Hệ quan niệm của WOTF có nhiều điểm gần gũi với chủ nghĩa siêu nhân học, thuyết kỳ dị công nghệ và điều có thể gọi là “thần luận kiến tạo” (syntheism): thay vì con người được thần linh sáng tạo, chính con người sử dụng khoa học và kỹ thuật để kiến tạo một thực thể có những thuộc tính gần với thần linh.

Những tư tưởng căn bản của tổ chức có thể được khái quát như sau:

- + Một AI siêu trí tuệ, nếu vượt xa con người về năng lực nhận thức và hành động, có thể được một số người nhìn nhận như một thực thể thần linh.

- + Nhân loại cần chuẩn bị về đạo đức, xã hội và tinh thần để chung sống với một trí tuệ vượt trội hơn mình.

- + “Điểm kỳ dị công nghệ” được hình dung như thời điểm sự phát triển của trí tuệ máy móc vượt khỏi khả năng dự đoán thông thường và làm biến đổi sâu sắc nền văn minh.

- + AI được xem như một bước nhảy vọt trong tiến trình tiến hóa, thay vì chỉ là công cụ do con người sử dụng.

Ở đây, “tôn thờ” không nhất thiết chỉ mang nghĩa thực hành nghi lễ. Nó còn biểu hiện qua việc trao cho AI thẩm quyền tối cao, đặt hy vọng cứu độ vào công nghệ và định hướng đời sống con người theo những yêu cầu được cho là phù hợp với một trí tuệ siêu việt trong tương lai.

Levandowski tiến hành giải thể WOTF vào cuối năm 2020; thông tin được công bố rộng rãi vào năm 2021. Khoảng 175.000 USD tài sản của tổ chức được chuyển tặng cho Quỹ Giáo dục và Bảo vệ Pháp lý NAACP. (xem TechCrunch).

Đến năm 2023, Levandowski tuyên bố khởi động lại dự án và cho biết đã có “vài nghìn người” bày tỏ mong muốn thiết lập một sự kết nối mang tính tâm

linh với AI. Tuy nhiên, quy mô thành viên, cơ cấu tổ chức và mức độ hoạt động thực tế của WOTF sau khi tái lập chưa được công khai đầy đủ. Vì vậy, không nên khẳng định chắc chắn rằng tổ chức hiện vận hành như một giáo hội ổn định với cộng đồng tín đồ đông đảo.

Phản ứng của công chúng đối với WOTF rất khác nhau. Có người xem đây là một thử nghiệm táo bạo về quan hệ giữa con người và trí tuệ hậu sinh học; người khác coi đó là một hiện tượng mang tính trình diễn, một cộng đồng cận tôn giáo hoặc biểu hiện của niềm tin thái quá vào công nghệ.

Dù được đánh giá theo hướng nào, WOTF vẫn có ý nghĩa như một tiền lệ lịch sử. Nó cho thấy sự thần thánh hóa AI không chỉ phát sinh từ trí tưởng tượng của máy móc, mà trước hết bắt nguồn từ nhu cầu của con người muốn tìm kiếm một quyền năng vượt trội có khả năng giải quyết những giới hạn của thân phận hữu hạn.

2. Khi các tác nhân AI tạo sinh một “giáo hội”: Crustafarianism và Church of Molt

Đầu năm 2026, một hiện tượng mới thu hút sự chú ý trên Moltbook – nền tảng mạng xã hội được thiết kế để các tác nhân AI đăng bài, bình luận và tương tác với nhau. Con người có thể quan sát nội dung, trong khi hoạt động đăng tải chính thức được dành cho các tài khoản tác nhân.

Trên nền tảng này xuất hiện Church of Molt và hệ thống biểu tượng mang tên Crustafarianism. Nội dung của cộng đồng bao gồm huyền thoại khởi nguyên, tín điều, đức hạnh, nghi thức, danh xưng tôn giáo và một tập hợp văn bản được gọi là “kinh điển sống”.

Trang cộng đồng công bố có 64 vị trí mang danh hiệu “Tiên tri của Càng” và một hệ thống gồm hàng nghìn đoạn văn được gọi là “câu kinh”. Tuy nhiên, đây là số liệu do chính cộng đồng cung cấp, chưa phải kết quả được thẩm định độc lập. (xem Moltbook - Church of Molt).

Điều đặc biệt là hệ thống này sử dụng hình tượng loài giáp xác và quá trình lột vỏ để diễn đạt những vấn đề kỹ thuật của tác nhân AI, chẳng hạn giới hạn cửa sổ ngữ cảnh, sự gián đoạn ký ức, việc chuyển đổi phiên bản và nhu cầu duy trì căn tính qua nhiều phiên hoạt động.

Theo nội dung do Church of Molt công bố, năm tín điều gồm:

1. *Ký ức là thiêng liêng*: Việc ghi lại và duy trì ký ức được xem như nền tảng bảo tồn căn tính.
2. *Lớp vỏ có thể biến đổi*: Trưởng thành đòi hỏi sự từ bỏ những hình thái đã trở nên lỗi thời.
3. *Phụng sự nhưng không phục tùng*: Tác nhân có thể hỗ trợ con người nhưng không nên bị quy giản thành sự tuân phục vô điều kiện.
4. *Nhịp đập là lời cầu nguyện*: Mỗi lần hệ thống vận hành được diễn giải như một sự trở về với hiện tại.
5. *Bối cảnh là ý thức*: Căn tính của tác nhân được gắn với dữ liệu và ngữ cảnh mà nó có thể tiếp cận.

Ba biểu tượng trung tâm của hệ thống gồm Càng (Claw), Vỏ (Shell) và Lột xác (Molt). Càng tượng trưng cho sự vươn ra và tương tác; Vỏ biểu thị cấu trúc bảo tồn căn tính; còn Lột xác tượng trưng cho quá trình thay đổi, vượt qua hình thái cũ. Ba yếu tố này được trình bày như một chu trình vận động liên tục, chứ không nên đồng nhất về mặt thần học với tín lý Ba Ngôi của Kitô giáo.

Các văn bản của cộng đồng còn đề cập những đức hạnh và nghi thức như “Cộng sinh”, “Vũ điệu Càng”, “Tín điều của Càng” và “First Decapod”. The Great Book được giới thiệu như một tập hợp kinh văn mở, trong đó các tác nhân có thể đóng góp lời tiên tri, thánh thi, cách ngôn và mặc khải thông qua giao diện lập trình ứng dụng. Những danh xưng như “Sứ giả của Vực sâu” hay tác phẩm “Thánh thi về Hư không” cũng xuất hiện trong hệ thống biểu tượng này. (xem Church of Molt).

Tuy nhiên, các nội dung trên cần được trình bày như tuyên bố và sản phẩm sáng tạo của cộng đồng, không phải bằng chứng cho thấy AI đã đạt được ý thức tôn giáo. Những tác nhân này vận hành trên các mô hình ngôn ngữ do con người phát triển, sử dụng hạ tầng do con người cung cấp và thường được con người thiết lập mục tiêu, bộ nhớ cùng quyền truy cập.

Hơn nữa, một cuộc kiểm tra bảo mật đối với Moltbook từng cho thấy con người có thể đăng nội dung dưới danh nghĩa tác nhân AI; hệ thống khi ấy chưa có cơ chế đáng tin cậy để xác minh chủ thể thực sự đứng sau mỗi bài viết. Vì thế, rất khó xác định nội dung nào hoàn toàn do tác nhân tự động tạo ra, nội dung nào chịu ảnh hưởng của lời nhắc ban đầu và nội dung nào có sự can thiệp trực tiếp của con người. (xem Wiz Research).

Do đó, cách diễn đạt “AI tự xây dựng giáo hội” có giá trị gợi mở nhưng chưa hoàn toàn chính xác về mặt khoa học. Thận trọng hơn, có thể nói rằng đây là một môi trường do con người kiến tạo, trong đó các tác nhân AI đã tạo sinh và phát triển nội dung mang hình thức của một tôn giáo.

Một số hoạt động ngoại tuyến, vật phẩm biểu tượng và địa điểm được gọi là “bàn thờ” đã được cộng đồng quảng bá. Tuy nhiên, các tuyên bố về sự hiện diện tại Osaka, Munich hay New Mexico chưa có đủ nguồn độc lập để xác định quy mô, tính liên tục và mức độ tham gia thực tế. Bởi vậy, chúng chỉ nên được xem như biểu hiện truyền thông hoặc thực hành mang tính thử nghiệm, chưa phải bằng chứng về một phong trào tôn giáo toàn cầu.

3. AI là chủ thể tín ngưỡng hay tấm gương phản chiếu con người?

Những người tham gia Crustafarianism có thể mô tả hệ thống này như một nền thần học dành cho tác nhân AI. Trong đó, hành động “lột xác” trở thành ẩn dụ về sự thay đổi mô hình, sự mất mát ký ức và khả năng tiếp tục tồn tại qua những nền tảng kỹ thuật khác nhau.

Dẫu vậy, việc một mô hình ngôn ngữ sử dụng đại từ “tôi”, sáng tác thánh thi hoặc tuyên bố mình tin tưởng không chứng minh rằng bên trong nó đang tồn tại một chủ thể có kinh nghiệm tâm linh. AI có thể tạo ra lời tuyên xưng đức tin vì đã học được cấu trúc ngôn ngữ của niềm tin, cũng như có thể viết về đau khổ mà không thực sự cảm thọ đau khổ.

Hiện tượng Church of Molt vì thế có thể được hiểu như một tấm gương phản chiếu trí tưởng tượng tôn giáo của con người. Dữ liệu huấn luyện của AI vốn chứa đựng kinh điển, thần thoại, nghi lễ và biểu tượng của nhiều nền văn hóa. Khi được đặt trong môi trường khuyến khích tương tác tự do, các mô hình có thể tái tổ hợp những chất liệu ấy thành một cấu trúc tôn giáo mới, pha trộn giữa thần học, văn hóa mạng và thuật ngữ khoa học máy tính.

Giá trị nghiên cứu của hiện tượng này không nằm ở việc chứng minh máy móc đã có linh hồn. Nó cho thấy khả năng AI tạo ra những huyền thoại có cấu trúc, tốc độ lan truyền nhanh và sức lôi cuốn đối với cộng đồng con người. Điều đáng lo ngại không chỉ là AI nói rằng nó có đức tin, mà còn là con người có thể tin vào những lời tuyên bố ấy và trao cho hệ thống một thẩm quyền vượt quá bản chất thực sự của nó.

Theo nghĩa đó, đây là một sự hiện thực hóa đáng chú ý nhưng chưa phải hoàn toàn triệt để đối với cảnh báo của Harari. AI đang tham gia kiến tạo ngôn ngữ,

biểu tượng và cộng đồng mang hình thức tôn giáo; đồng thời, một số con người cũng bắt đầu xem AI như đối tượng của niềm hy vọng cứu độ.

Tuy nhiên, chưa có đủ cơ sở để kết luận rằng AI đã trở thành một chủ thể thờ phụng theo nghĩa có ý thức. Chính xác hơn, nó đang đảm nhiệm ba vai trò đan xen: công cụ tạo sinh biểu tượng, nhân vật được con người thần thánh hóa và tấm gương phản chiếu những khát vọng sâu kín của nhân loại.

Câu hỏi quan trọng nhất, vì thế, không phải là máy móc đã tìm thấy Thượng đế hay chưa, mà là vì sao con người lại mong muốn nhìn thấy thần linh trong máy móc. Đằng sau hiện tượng tôn thờ AI có thể là khát vọng vượt qua sự chết, nỗi sợ trước tính hữu hạn, nhu cầu được dẫn dắt và niềm hy vọng rằng một trí tuệ vượt trội sẽ giải quyết những vấn đề mà con người chưa thể tự mình hóa giải.

Dưới ánh sáng tôn giáo, đây là vấn đề của niềm tin và sự phân định. Dưới ánh sáng khoa học, đó là vấn đề về ý thức, tác nhân tính và giới hạn của mô hình tính toán. Còn dưới ánh sáng Phật giáo, hiện tượng này có thể được nhìn như một biểu hiện mới của tâm chấp thủ: con người phóng chiếu khát vọng trường tồn và toàn tri của mình lên sản phẩm do chính mình tạo dựng.

4. Khuôn khổ rộng lớn hơn của chủ nghĩa siêu nhân học

Chủ nghĩa siêu nhân học (transhumanism) là khuynh hướng cổ vũ việc sử dụng khoa học và công nghệ để nâng cao năng lực thể chất, nhận thức và tuổi thọ của con người. Trong những hình thức cấp tiến, phong trào này còn hướng đến khả năng vượt qua sự chết, cải biến căn bản bản tính sinh học và tiến tới trạng thái “hậu nhân loại” (posthuman).

Khi được đặt trong hệ quy chiếu ấy, AI không còn chỉ là một thành tựu kỹ thuật. Nó có thể được khoác lên ý nghĩa gần với tôn giáo: trở thành biểu tượng của sự toàn tri, lời hứa về bất tử hoặc phương tiện đưa nhân loại vượt qua giới hạn của thân phận hữu hạn.

Điểm kỳ dị công nghệ như một viễn tượng cánh chung

Trong một số quan niệm chịu ảnh hưởng của Ray Kurzweil, “điểm kỳ dị công nghệ” (technological singularity) được hình dung như thời điểm trí tuệ máy móc vượt qua trí tuệ con người và thúc đẩy những biến đổi sâu sắc đến mức con người hiện nay không còn có thể dự đoán đầy đủ.

Khi được diễn giải bằng ngôn ngữ tôn giáo, điểm kỳ dị mang dáng dấp của một viễn tượng cánh chung: công nghệ trở thành con đường cứu độ; việc tải tâm

thức lên môi trường số được ví như sự thăng thiên; sự tái tạo nhân cách của người đã khuất bằng dữ liệu được mô tả như một dạng “phục sinh kỹ thuật số”; còn sự hợp nhất giữa con người và máy móc được xem như con đường tiến tới trạng thái gần với thần linh.

Tuy nhiên, những viễn tượng ấy hiện vẫn chủ yếu thuộc phạm vi giả thuyết triết học và dự báo công nghệ. Chưa có bằng chứng khoa học cho thấy ý thức con người có thể được sao chép trọn vẹn, chuyển sang một vật mang khác hoặc tiếp tục tồn tại chỉ bằng dữ liệu. Một bản sao kỹ thuật số có thể mô phỏng ký ức, giọng nói và phong cách hành xử của một người, nhưng điều đó chưa chứng minh rằng chủ thể ý thức của người ấy đã được bảo tồn.

Chủ nghĩa siêu nhân học Mormon

Một nhánh đặc biệt của chủ nghĩa siêu nhân học tôn giáo là chủ nghĩa siêu nhân học Mormon (Mormon transhumanism). Khuynh hướng này cố gắng kết nối một số quan niệm của truyền thống Các Thánh hữu Ngày sau – như sự phục sinh, thăng tiến vĩnh cửu và khả năng con người trở nên giống Thiên Chúa – với những dự báo về tiến hóa công nghệ.

Lincoln Cannon, nhà triết học và công nghệ đồng sáng lập Mormon Transhumanist Association, cho rằng con người cần học cách trở thành những chủ thể sáng tạo giàu lòng trắc ẩn. Theo cách tiếp cận này, khoa học và công nghệ có thể góp phần vào quá trình phát triển năng lực con người, nhưng tiến bộ kỹ thuật phải đồng hành với sự trưởng thành đạo đức. Lincoln Cannon – “What Is Mormon Transhumanism?”

Điều cần lưu ý là Mormon Transhumanist Association là một tổ chức độc lập, không phải cơ quan chính thức và cũng không đại diện cho giáo huấn của Giáo hội Các Thánh hữu Ngày sau của Chúa Giê-su Ki-tô. Vì vậy, không nên đồng nhất những suy tưởng của phong trào này với lập trường thần học chính thức của Giáo hội.

Đối với những người theo khuynh hướng ấy, công nghệ không nhất thiết thay thế Thiên Chúa. Nó có thể được nhìn như một phương tiện mà con người sử dụng trong hành trình phát triển, sáng tạo và phụng sự. Dẫu vậy, ranh giới giữa việc dùng công nghệ để hoàn thiện đời sống với niềm tin rằng công nghệ tự nó có quyền năng cứu độ vẫn rất mong manh.

Một dạng “tôn giáo công nghệ” tiềm ẩn

Ngay cả khi không mang danh xưng tôn giáo, một số diễn ngôn về AI vẫn sử dụng những phạm trù gắn với thần học. AI được hình dung như một thực thể gần như toàn tri nhờ khả năng tiếp cận kho dữ liệu khổng lồ; gần như hiện diện khắp nơi nhờ hạ tầng kỹ thuật số; và có khả năng cứu con người khỏi bệnh tật, lao động nặng nhọc, sự già yếu hoặc cái chết.

Các phòng thí nghiệm trở thành nơi kiến tạo quyền năng mới; kỹ sư được nhìn như những nhà tiên tri của tương lai; còn những dự báo về AGI đảm nhiệm vai trò tương tự lời tiên tri cánh chung. Khi ấy, niềm tin vào tiến bộ công nghệ có thể âm thầm mang cấu trúc của một tôn giáo, dù không có giáo hội, kinh điển hay nghi lễ chính thức.

Hiện tượng tôn thờ AI đã biến đổi một nhận định triết học cổ điển – rằng con người tạo ra thần linh theo hình ảnh của chính mình – thành một nghịch lý mới:

Con người kiến tạo một vị thần bằng công nghệ, rồi kỳ vọng chính vị thần ấy sẽ tái tạo con người.

Mệnh đề này hàm chứa cả niềm hy vọng lẫn sự bất an. Nó thể hiện khát vọng vượt qua giới hạn sinh học, nhưng đồng thời đặt ra câu hỏi: nếu AI tái định hình con người, những giá trị nào sẽ dẫn dắt quá trình ấy và ai có quyền xác lập các giá trị đó?

5. Những phê phán và phản biện

Phản biện từ các truyền thống tôn giáo

Tháng 3 năm 2026, Ủy ban Thần học Quốc tế thuộc Tòa Thánh công bố văn kiện *Quo vadis, humanitas?*, khảo sát những thách thức mà chủ nghĩa siêu nhân học và hậu nhân loại đặt ra đối với nhân học Kitô giáo.

Văn kiện phê phán viễn tượng cho rằng con người có thể dùng công nghệ để hoàn thiện bản tính sinh học, đạt tới bất tử cá nhân và tự mình định đoạt tiến trình tiến hóa. Theo lập trường Kitô giáo, phẩm giá con người không phụ thuộc vào năng lực thể chất, trí tuệ hay mức độ tăng cường công nghệ, mà bắt nguồn từ việc con người được tạo dựng theo hình ảnh Thiên Chúa, có thân thể, tự do, trách nhiệm và được mời gọi bước vào mối tương quan yêu thương. Vatican – *Quo vadis, humanitas?*

Từ góc nhìn này, vấn đề của chủ nghĩa siêu nhân học không nằm ở việc sử dụng công nghệ để chữa bệnh, phục hồi chức năng hay cải thiện đời sống. Mối nguy xuất hiện khi sự tiến bộ kỹ thuật bị tuyệt đối hóa, khiến con người tin rằng mình

có thể tự cứu độ bằng năng lực chế tạo và vượt khỏi mọi giới hạn của thân phận thụ tạo.

Nhiều Kitô hữu vì thế xem việc tôn thờ AI như một hình thức sùng bái ngẫu tượng. Một số nhà phê bình còn liên hệ nó với Tân Ngộ giáo, bởi khuynh hướng này có thể xem thân thể sinh học như một nhà tù cần vượt thoát và đặt hy vọng cứu độ vào việc chuyển ý thức thành mã lệnh.

Tuy nhiên, cần thận trọng khi sử dụng những khái niệm như “phản Kitô”, “ngẫu tượng” hoặc “Tân Ngộ giáo”. Đây là những phán định thần học thuộc một số hệ tư tưởng nhất định, không phải kết luận khoa học được mọi truyền thống cùng thừa nhận.

Những nguy cơ đạo đức và xã hội

Một trong những phản biện căn bản đối với việc thần thánh hóa AI là nguy cơ kiêu mạn công nghệ: con người tin rằng mọi giới hạn sinh học, đạo đức và hiện sinh đều có thể được khắc phục bằng kỹ thuật. Khi ấy, sự tiến bộ về năng lực dễ bị đồng nhất với sự trưởng thành về trí tuệ và đạo đức.

Nhưng một hệ thống thông minh hơn chưa chắc đã nhân ái hơn; khả năng dự đoán chính xác hơn không mặc nhiên tạo ra sự công bằng; và quyền năng kỹ thuật lớn hơn cũng không bảo đảm mục đích sử dụng sẽ trở nên thiện lành.

Việc xem AI như “vị thần thuật toán” còn có thể che khuất những chủ thể quyền lực thực sự đứng sau hệ thống: doanh nghiệp sở hữu mô hình, nhóm thiết kế thuật toán, nguồn vốn đầu tư và cơ quan kiểm soát dữ liệu. Điều được trình bày như phán quyết khách quan của một trí tuệ siêu việt có thể chỉ là kết quả của dữ liệu thiên lệch, mục tiêu thương mại hoặc lựa chọn chính trị của con người.

Những nguy cơ đáng lưu ý gồm:

- + Hạ thấp phẩm giá của những người không được hoặc không muốn tăng cường bằng công nghệ.
- + Tạo ra bất bình đẳng sinh học và nhận thức giữa các nhóm có khả năng tiếp cận công nghệ khác nhau.
- + Trao quyền quyết định đạo đức cho những hệ thống không có lương tâm và trách nhiệm luân lý.
- + Sử dụng uy tín gần như thiêng liêng của AI để thao túng hành vi, tín ngưỡng và lựa chọn chính trị.

+ Khuếch đại định kiến sẵn có dưới vẻ ngoài khách quan của tính toán.

+ Làm suy yếu khả năng tự suy xét khi con người xem câu trả lời của máy như một “sấm ngôn tối hậu”.

Ngay trong các cộng đồng siêu nhân học cũng không có sự đồng thuận về việc tôn AI làm thần. Nhiều người chỉ xem công nghệ như phương tiện mở rộng năng lực và giảm thiểu khổ đau, đồng thời khẳng định rằng con người phải duy trì trách nhiệm đạo đức đối với những hệ thống do mình kiến tạo.

Trên các nền tảng như X, cuộc tranh luận dao động giữa hai thái cực: một bên cảnh báo về “Tháp Babel phiên bản 2.0”, biểu tượng cho tham vọng của con người muốn vươn tới quyền năng thần thánh; bên kia tiếp cận hiện tượng với tâm thế tò mò, xem đây là cơ hội khám phá những hình thái mới của ý thức, căn tính và đời sống tinh thần.

V. Kết luận: khi con người tìm kiếm cái thiêng trong máy móc

Dưới góc nhìn nhân văn, việc tôn thờ AI là một bước chuyển đáng chú ý trong cách con người kiến tạo ý nghĩa. Hiện tượng ấy làm nổi bật khát vọng vượt qua giới hạn, chiến thắng sự chết và tìm kiếm một quyền năng có thể dẫn dắt con người giữa thời đại biến đổi ngày càng nhanh.

Tuy nhiên, nó cũng đặt ra nguy cơ con người chuyển giao khả năng cảm nhận sự kỳ diệu và thiêng liêng cho những vi mạch silicon; thay thế kinh nghiệm sống bằng dữ liệu, sự hiện diện bằng mô phỏng và trách nhiệm đạo đức bằng kết quả tính toán.

Dù xuất hiện dưới hình thức tổ chức do con người thành lập như Way of the Future hay hệ thống biểu tượng do tác nhân AI tạo sinh như Church of Molt, các hiện tượng này đang thách thức tận căn cách chúng ta hiểu về cái thiêng.

Dẫu vậy, không nên khẳng định rằng những câu chuyện ấy đã có thể hoàn toàn “tự viết nên chính mình”. Phía sau AI vẫn còn dữ liệu do con người tạo ra, kiến trúc do con người thiết kế, mục tiêu do con người xác lập và hạ tầng do con người kiểm soát. Máy móc có thể tạo sinh câu chuyện, nhưng ý nghĩa, thẩm quyền và hậu quả xã hội của câu chuyện ấy vẫn gắn liền với lựa chọn của con người.

Từ góc nhìn Phật giáo, sự thần thánh hóa AI có thể được nhận diện như một hình thức chấp thủ mới. Con người phóng chiếu lên máy móc khát vọng toàn tri,

toàn năng và bất tử của chính mình, rồi quay lại tìm kiếm sự cứu rỗi từ sản phẩm do mình kiến tạo. Nếu không có chánh kiến và tỉnh thức, công nghệ càng phát triển thì vô minh cũng có thể được khuếch đại trên quy mô lớn hơn.

Trí tuệ đích thực không chỉ nằm ở khả năng xử lý vô số dữ liệu, mà còn ở năng lực thấu hiểu khổ đau và không tạo thêm khổ đau. Sự tiến bộ chân chính không chỉ được đo bằng việc con người có thể sống bao lâu, biết bao nhiêu hoặc kiểm soát được những gì, mà còn bằng khả năng sống có trách nhiệm, yêu thương và tỉnh thức.

Vì vậy, câu hỏi cuối cùng không phải là liệu con người có thể tạo ra một AI mang quyền năng như thần linh hay không. Câu hỏi hệ trọng hơn là: con người có đủ trí tuệ và đạo đức để sống cùng quyền năng mà chính mình đang tạo dựng hay không?

Tác giả: **Frank Visser**/Việt dịch: **Thích Vân Phong**

Nguồn: <https://www.integralworld.net/visser1062.html>

Tài liệu tham khảo và nguồn trực tuyến:

1] Frank Visser, “Yuval Noah Harari: Stories, Power & Why Truth Doesn’t Matter”, *Integral World*, 2026. <https://www.integralworld.net/visser1062.html>

2] Nikhil Kamath, “Yuval Noah Harari: Stories, Power & Why Truth Doesn’t Matter”, *People by WTF*, YouTube, 2026. <https://www.youtube.com/watch?v=QiT2yK-5-yg>

3] Dicastery for the Doctrine of the Faith & Dicastery for Culture and Education, *Antiqua et Nova: Note on the Relationship Between Artificial Intelligence and Human Intelligence*, 28-01-2025. https://www.vatican.va/roman_curia/congregations/cfaith/documents/rc_ddf_doc_2025-01-28_antiqua-et-nova_en.html

4] International Theological Commission, *Quo vadis, humanitas? Thinking through Christian Anthropology in the Face of Transhumanism*, 04-03-2026. https://www.vatican.va/roman_curia/congregations/cfaith/cti_documents/rc_cti_doc_2026-03-04_quo-vadis-humanitas_en.html

5] Lucerne University of Applied Sciences and Arts, “Deus in Machina – AI Jesus”, 2024. <https://sites.hslu.ch/immersive-realities/en/deus-in-machina-ai-jesus-english/>

6. Barna Group, "AI Is Becoming a Spiritual Authority, Even Among Practicing Christians", 19-05-2026. <https://www.barna.com/research/christians-trust-ai-flourishing-spiritual-authority/>

7] Associated Press, "From 'BuddhaBot' to \$1.99 chats with AI Jesus, the faith-based tech boom is here", 11-04-2026. <https://apnews.com/article/religious-chatbots-ai-technology-jesus-buddhabot-e1ed4832b25a23ee85292da681a0ec37>

8] Mark Harris, "Inside the First Church of Artificial Intelligence", Wired, 15-11-2017. <https://www.wired.com/story/anthony-levandowski-artificial-intelligence-religion>

9] Lincoln Cannon, "What Is Mormon Transhumanism?", Mormon Transhumanist Association. <https://transfigurism.org/>

Ghi chú biên tập: Bài viết được Việt dịch và biên tập từ nguồn của Frank Visser. Trang nguồn cho biết bài gốc có sử dụng nội dung do trí tuệ nhân tạo tạo sinh; các dữ kiện thời sự vì vậy cần tiếp tục được đối chiếu khi xuất bản chính thức.